TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/DSST
Ngày: 10-02-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản và tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Chấm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Nguyễn Thị Hồng Nhung;**

Bà **Trang Thị Cẩm Nhuần**.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà **Thạch Thị Minh Châu**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 10 tháng 02 năm 2025, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 113/TLST–DS ngày 28-11-2024; về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản và tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi"*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST-DS, ngày 23-01-2025 và Thông báo dời lịch xét xử vụ án ngày 05-02-2025, giữa:

Nguyên đơn: Anh Lê Vũ P, sinh năm 1995; Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện ủy quyền của anh Lê Vũ P: Chị Nguyễn Thị Hồng P2, sinh năm 1995; Địa chỉ: Số A, đường, khóm B, phường C, thành phố Tr, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1992; Địa chỉ: Ấp Tr, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện trong quá trình giải quyết đại diện nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng P2 trình bày:

Năm 2023 chị T có làm chủ hụi ở các dây hụi gồm: Dây hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 10/10/2023, có 14 phần, anh P tham gia 05 phần; Dây hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 20/9/2023, có 16 phần, anh P tham gia 04 phần; Dây hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 01/6/2023, có 20 phần, anh P tham gia 03 phần; Dây hụi tuần 300.000 đồng, có 30 phần, anh P tham gia 10 phần, tất cả các dây

hụi trên anh P chưa bỏ thăm hốt hụi, nhưng không nhớ cụ thể đã đóng hụi cho chị T tổng cộng bao nhiêu tiền.

Ngày 10/02/2024, chị T có vay của anh P tiền vốn bằng 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận bên ngoài 50.000.000 đồng mỗi tháng chị T đóng lãi cho anh P bằng 1.000.000 đồng; đối với khoản vay này chị T có đóng lãi cho anh P bằng 750.000 đồng rồi ngưng cho đến nay.

Ngày 11-4-2024 anh P có làm chủ 03 dây hụi tuần, loại hụi 300.000 đồng và ngày 28-4-2024 anh P có làm chủ 03 dây hụi tuần, loại hụi 300.000 đồng, chị T có tham gia 06 dây hụi trên, trong các dây hụi này chị T có bỏ thăm hốt hụi, tiền hụi anh P có giao cho chị T nhận, sau khi hốt hụi chị T không có đóng hụi chết cho nên anh P phải choàng hụi thay cho chị T đến mãn hụi, anh P không nhớ đã choàng tổng cộng bao nhiêu tiền.

Đến ngày 23/8/2024, chị T với anh P có tính toán lại các khoản gồm: Tiền hụi mà anh P tham gia của chị T, tiền hụi chị T tham gia của anh P và 50.000.000 đồng tiền vốn vay vào ngày 10/02/2024, tổng cộng chị T nợ anh P bằng 355.000.000 đồng, chị T có viết một bản thỏa thuận và cam kết trả cho anh P mỗi tháng từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trả cho đến khi hết nợ, tờ thỏa thuận này có sự chứng kiến của ông Trần Văn D là Trưởng ban nhân dân ấp Đ, không có thỏa thuận lãi suất. Kể từ ngày 23/8/2024 đến ngày 01/10/2024 chị T có trả trước cho anh P bằng 10.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 345.000.000 đồng, do chị T không trả nợ như thỏa thuận, anh P nhiều lần liên hệ yêu cầu chị T trả tiền nhưng chị T không trả.

Ngày 30/11/2024, sau khi hòa giải theo thủ tục Hòa giải đối thoại tại Tòa án thì chị T có trả cho anh P số tiền bằng 8.000.000 đồng, chị T còn nợ lại anh P số tiền vốn bằng 337.000.000 đồng.

Trước đây anh P có làm đơn khởi kiện anh Nguyễn Văn V là chồng của chị T cùng có trách nhiệm trả nợ cho anh P, nay anh P xin rút lại yêu cầu đối với anh V, anh P chỉ yêu cầu cá nhân chị T trả nợ.

Nay đại diện anh P yêu cầu chị Nguyễn Thị Ngọc T có trách nhiệm trả cho anh P tiền vốn vay và tiền hụi còn nợ bằng 337.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 01/12/2024 cho đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất là 0,83%/tháng, anh P không đồng ý thời hạn xin trả dần nợ của chị T yêu cầu.

Ý kiến của bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày: Chị với anh P có tham gia góp hụi qua lại và chị cũng có vay tiền của anh P bằng 50.000.000 đồng vào ngày 10/02/2024 để trang trải sinh hoạt cho gia đình, đến ngày 23/8/2024 chị với anh P có tính toán lại các khoản tiền hụi của chị làm chủ hụi, tiền hụi chị tham gia của anh P và 50.000.000 đồng tiền vốn vay ngày 10/02/2024, tổng cộng chị nợ anh P bằng 355.000.000 đồng, chị có viết cho anh P một tờ thỏa thuận, kể từ ngày 23/8/2024 đến ngày 01/10/2024 chị có trả trước cho anh P bằng 10.000.000 đồng, sau khi Tòa án thụ lý đến ngày 30/11/2024 chị có trả thêm cho anh P bằng 8.000.000 đồng, hiện tại chị còn nợ anh P tiền vốn gốc bằng 337.000.000 đồng.

Đối với số tiền vốn gốc bằng 337.000.000 đồng chị đồng ý trả cho anh P

và tiền lãi suất theo như anh P yêu cầu. Chị xin trả dần số tiền nợ nêu trên vì hiện nay chị đang đi làm, điều kiện kinh tế còn khó khăn cho nên trả một lần chị không có khả năng trả.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án: 01 giấy thỏa thuận (bản chính), danh sách hụi viên, biên nhận vay tiền ngày 10/02/2024; CCCC (photo); Bị đơn không có cung cấp chứng cứ.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

Chị Nguyễn Thị Ngọc T thừa nhận còn nợ anh Lê Vũ P bằng 337.000.000 đồng.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất:

Anh Lê Vũ P yêu cầu chị Nguyễn Thị Ngọc T trả tiền vốn vay và tiền hụi còn nợ bằng 337.000.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Ngọc T xin trả dần số tiền nợ nêu trên vì hiện nay chị đang đi làm, điều kiện kinh tế còn khó khăn cho nên trả một lần chị không có khả năng trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn cư trú tại huyện T theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T; Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

Chị Nguyễn Thị Hồng P2 và chị Nguyễn Thị Ngọc T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

Ngày 15/11/2024, anh Lê Vũ P làm đơn khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn V (chồng chị T) cùng có trách nhiệm trả nợ cho anh với chị T, đến ngày 22/01/2025 anh P có đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với anh Nguyễn Văn V. Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của anh P là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này.

[2] V*ề nội dung*: Anh P khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Ngọc T có trách nhiệm trả tiền vốn vay và tiền hụi còn nợ bằng 337.000.000 đồng, quá trình giải quyết chị Nguyễn Thị Ngọc T có lời khai thừa nhận còn nợ anh P tiền vốn vay và tiền hụi bằng 337.000.000 đồng, đây là tình tiết các đương sự không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về yêu cầu tính lãi*: Anh P yêu cầu chị T trả tiền lãi trên số tiền gốc 337.000.000 đồng, với mức lãi suất 0,83% tháng, thời gian tính lãi từ ngày 01/12/2024 cho đến ngày xét xử. Qua làm việc chị T đồng ý trả tiền lãi suất như anh P yêu cầu, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tiền lãi được tính như sau: Từ ngày 01/12/2024 cho đến ngày xét xử ngày 10/02/2025 là 01 tháng 09 ngày, cụ thể: 337.000.000 đồng x 01 tháng 09 ngày x 0,83%tháng bằng 3.636.224 đồng.

[4] Anh P yêu cầu chị T trả tiền vốn vay và tiền hụi còn nợ tổng cộng bằng 340.363.224 đồng, chị T thừa nhận còn nợ số tiền mà anh P yêu cầu, nhưng chị xin trả dần số tiền nợ trên như thỏa thuận, hiện tại chị đang đi làm, điều kiện kinh tế còn khó khăn cho nên trả một lần chị không có khả năng trả. Xét thấy tại giấy thỏa thuận chị T đồng ý trả cho anh P mỗi tháng từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trả cho đến khi hết nợ, nhưng chị T không thực hiện, cho nên yêu cầu của chị T không được anh P đồng ý.

Từ những nhận định nêu trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, 91, 92, 147, 228, 273, 244 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 471 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi biêu phường;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lê Vũ P.

2. Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc T có trách nhiệm trả cho anh Lê Vũ P tổng cộng bằng 340.636.224 đồng (Trong đó tiền vốn bằng 337.000.000 đồng, tiền lãi bằng 3.636.224 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 17.031.811 đồng án phí.

Anh Lê Vũ P không phải chịu án phí. Hoàn trả số tiền 8.690.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006463 ngày 28-11-2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh trả lại cho anh Lê Vũ P.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Mỹ Chấm